TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23/2019/QĐST-HNGĐ	*Ba Đồn, ngày 05 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 143/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: anh Lê Anh T – sinh năm 1984

Nơi cư trú: thôn P, xã H, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: chị Trương Thị H – sinh năm 1991

Nơi cư trú: thôn P, xã H, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 59, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Lê Anh T và chị Trương Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: anh T và chị H thống nhất quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Lê Công V – sinh ngày 01/02/2009 và Lê Anh S – sinh ngày 08/11/2014; sau khi ly hôn giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) cho mỗi con kể từ tháng 4/2019 cho đến khi các con trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: hai bên thống nhất quá trình chung sống anh chị có khối tài sản chung gồm nhà ở được xây trên đất của ông bà nội sau khi trừ đi các khoản nợ có trị giá là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và khoản tiền

đóng bảo hiểm hiện đang đứng tên anh T là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Tổng cộng là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng). Sau khi ly hôn giao toàn bộ tài sản cho anh T sở hữu, sử dụng, anh T phải giao lại cho chị H số tiền chênh lệch tài sản là 165.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

- Về án phí: hai bên thống nhất anh T chịu trách nhiệm nộp ½ tiền án phí ly hôn là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng), nộp toàn bộ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền án phí chia tài sản là 4.125.000 (Bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng anh T phải nộp 4.350.000 đồng (Bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí để sung vào ngân sách nhà nước, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002278 ngày 10 tháng 10 năm 2018, như vậy anh Tài còn phải nộp 4.050.000 đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí.

Chị H chịu trách nhiệm nộp ½ tiền án phí ly hôn là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) và tiền án phí chia tài sản là 4.125.000 (Bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng chị H phải nộp 4.200.000 đồng (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-VKSND thị xã B;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã Ký)

Nguyễn Văn Dương